

Họ, tên thí sinh:.....

Số báo danh:.....

## PHẦN CHUNG CHO TẤT CẢ THÍ SINH (44 câu, từ câu 1 đến câu 44):

**Câu 1:** Các đồng phân ứng với công thức phân tử  $C_8H_{10}O$  (đều là dẫn xuất của benzen) có tính chất: tách nước thu được sản phẩm có thể trùng hợp tạo polime, không tác dụng được với NaOH. Số lượng đồng phân ứng với công thức phân tử  $C_8H_{10}O$ , thỏa mãn tính chất trên là

- A. 3.                                      B. 2.                                      C. 4.                                      D. 1.

**Câu 2:** Trong một nhóm A (phân nhóm chính), trừ nhóm VIIIA (phân nhóm chính nhóm VIII), theo chiều tăng của điện tích hạt nhân nguyên tử thì

- A. độ âm điện giảm dần, tính phi kim tăng dần.  
B. tính phi kim giảm dần, bán kính nguyên tử tăng dần.  
C. tính kim loại tăng dần, bán kính nguyên tử giảm dần.  
D. tính kim loại tăng dần, độ âm điện tăng dần.

**Câu 3:** Phát biểu **không** đúng là

- A. Sản phẩm thủy phân xenlulozơ (xúc tác  $H^+$ ,  $t^0$ ) có thể tham gia phản ứng tráng gương.  
B. Thủy phân (xúc tác  $H^+$ ,  $t^0$ ) saccarozơ cũng như mantozơ đều cho cùng một monosaccarit.  
C. Dung dịch fructozơ hoà tan được  $Cu(OH)_2$ .  
D. Dung dịch mantozơ tác dụng với  $Cu(OH)_2$  khi đun nóng cho kết tủa  $Cu_2O$ .

**Câu 4:** Cho các loại hợp chất: aminoaxit (X), muối amoni của axit cacboxylic (Y), amin (Z), este của aminoaxit (T). Dãy gồm các loại hợp chất đều tác dụng được với dung dịch NaOH và đều tác dụng được với dung dịch HCl là

- A. Y, Z, T.                                      B. X, Y, T.                                      C. X, Y, Z, T.                                      D. X, Y, Z.

**Câu 5:** Trộn 100 ml dung dịch (gồm  $Ba(OH)_2$  0,1M và NaOH 0,1M) với 400 ml dung dịch (gồm  $H_2SO_4$  0,0375M và HCl 0,0125M), thu được dung dịch X. Giá trị pH của dung dịch X là

- A. 6.                                      B. 1.                                      C. 2.                                      D. 7.

**Câu 6:** Cho hỗn hợp Fe, Cu phản ứng với dung dịch  $HNO_3$  loãng. Sau khi phản ứng hoàn toàn, thu được dung dịch chỉ chứa một chất tan và kim loại dư. Chất tan đó là

- A.  $Fe(NO_3)_2$ .                                      B.  $HNO_3$ .                                      C.  $Fe(NO_3)_3$ .                                      D.  $Cu(NO_3)_2$ .

**Câu 7:** Điện phân dung dịch chứa a mol  $CuSO_4$  và b mol NaCl (với điện cực trơ, có màng ngăn xốp). Để dung dịch sau điện phân làm phenolphthalein chuyển sang màu hồng thì điều kiện của a và b là (biết ion  $SO_4^{2-}$  không bị điện phân trong dung dịch)

- A.  $2b = a$ .                                      B.  $b > 2a$ .                                      C.  $b = 2a$ .                                      D.  $b < 2a$ .

**Câu 8:** Cho tất cả các đồng phân đơn chức, mạch hở, có cùng công thức phân tử  $C_2H_4O_2$  lần lượt tác dụng với: Na, NaOH,  $NaHCO_3$ . Số phản ứng xảy ra là

- A. 4.                                      B. 5.                                      C. 2.                                      D. 3.

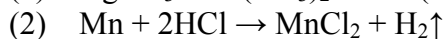
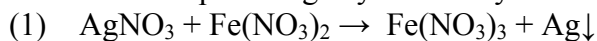
**Câu 9:** Một trong những điểm khác nhau của protit so với lipit và glucozơ là

- A. protit luôn chứa nitơ.                                      B. protit có khối lượng phân tử lớn hơn.  
C. protit luôn chứa chức hiđroxyl.                                      D. protit luôn là chất hữu cơ no.

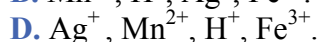
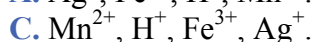
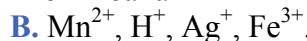
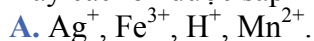
**Câu 10:** Nung m gam bột sắt trong oxi, thu được 3 gam hỗn hợp chất rắn X. Hòa tan hết hỗn hợp X trong dung dịch  $HNO_3$  (dư), thoát ra 0,56 lít (ở đktc) NO (là sản phẩm khử duy nhất). Giá trị của m là (cho O = 16, Fe = 56)

- A. 2,22.                                      B. 2,52.                                      C. 2,32.                                      D. 2,62.

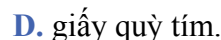
**Câu 11:** Cho các phản ứng xảy ra sau đây:



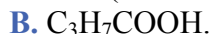
Dãy các ion được sắp xếp theo chiều tăng dần tính oxi hoá là



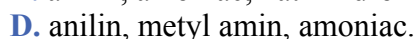
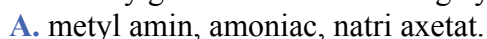
**Câu 12:** Có thể phân biệt 3 dung dịch: KOH, HCl,  $\text{H}_2\text{SO}_4$  (loãng) bằng một thuốc thử là



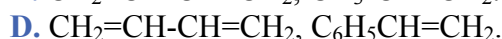
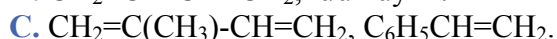
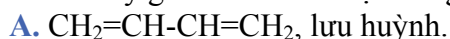
**Câu 13:** Để trung hòa 6,72 gam một axit cacboxylic Y (no, đơn chức), cần dùng 200 gam dung dịch NaOH 2,24%. Công thức của Y là (cho H = 1, C = 12, O = 16, Na = 23)



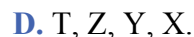
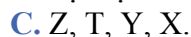
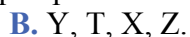
**Câu 14:** Dãy gồm các chất đều làm giấy quỳ tím ẩm chuyển sang màu xanh là:



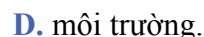
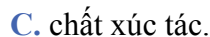
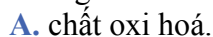
**Câu 15:** Dãy gồm các chất được dùng để tổng hợp cao su Buna-S là:



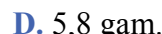
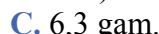
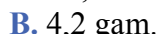
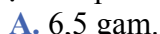
**Câu 16:** Cho các chất: axit propionic (X), axit axetic (Y), ancol (rượu) etylic (Z) và dimetyl ete (T). Dãy gồm các chất được sắp xếp theo chiều tăng dần nhiệt độ sôi là



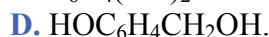
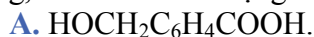
**Câu 17:** Khi cho Cu tác dụng với dung dịch chứa  $\text{H}_2\text{SO}_4$  loãng và  $\text{NaNO}_3$ , vai trò của  $\text{NaNO}_3$  trong phản ứng là



**Câu 18:** Nung 13,4 gam hỗn hợp 2 muối cacbonat của 2 kim loại hóa trị 2, thu được 6,8 gam chất rắn và khí X. Lượng khí X sinh ra cho hấp thụ vào 75 ml dung dịch NaOH 1M, khối lượng muối khan thu được sau phản ứng là (cho H = 1, C = 12, O = 16, Na = 23)



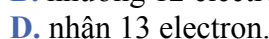
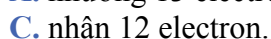
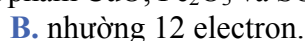
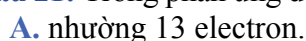
**Câu 19:** Khi đốt 0,1 mol một chất X (dẫn xuất của benzen), khối lượng  $\text{CO}_2$  thu được nhỏ hơn 35,2 gam. Biết rằng, 1 mol X chỉ tác dụng được với 1 mol NaOH. Công thức cấu tạo thu gọn của X là (cho C = 12, O = 16)



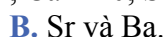
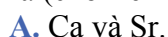
**Câu 20:** X là một este no đơn chức, có tỉ khối hơi đối với  $\text{CH}_4$  là 5,5. Nếu đem đun 2,2 gam este X với dung dịch NaOH (dư), thu được 2,05 gam muối. Công thức cấu tạo thu gọn của X là (cho H = 1, C = 12, O = 16, Na = 23)



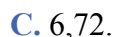
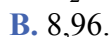
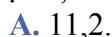
**Câu 21:** Trong phản ứng đốt cháy  $\text{CuFeS}_2$  tạo ra sản phẩm CuO,  $\text{Fe}_2\text{O}_3$  và  $\text{SO}_2$  thì một phân tử  $\text{CuFeS}_2$  sẽ



**Câu 22:** Cho 1,67 gam hỗn hợp gồm hai kim loại ở 2 chu kỳ liên tiếp thuộc nhóm IIA (phân nhóm chính nhóm II) tác dụng hết với dung dịch HCl (dư), thoát ra 0,672 lít khí  $\text{H}_2$  (ở đktc). Hai kim loại đó là (cho Be = 9, Mg = 24, Ca = 40, Sr = 87, Ba = 137)



**Câu 23:** Đốt cháy hoàn toàn 0,1 mol một axit cacboxylic đơn chức, cần vừa đủ V lít  $\text{O}_2$  (ở đktc), thu được 0,3 mol  $\text{CO}_2$  và 0,2 mol  $\text{H}_2\text{O}$ . Giá trị của V là



**Câu 24:** Trong hợp chất ion XY (X là kim loại, Y là phi kim), số electron của cation bằng số electron của anion và tổng số electron trong XY là 20. Biết trong mọi hợp chất, Y chỉ có một mức oxi hóa duy nhất. Công thức XY là



**Câu 25:** Số chất ứng với công thức phân tử  $\text{C}_7\text{H}_8\text{O}$  (là dẫn xuất của benzen) đều tác dụng được với dung dịch NaOH là



**Câu 26:** Có 4 dung dịch riêng biệt: a) HCl, b)  $\text{CuCl}_2$ , c)  $\text{FeCl}_3$ , d) HCl có lẫn  $\text{CuCl}_2$ . Nhúng vào mỗi dung dịch một thanh Fe nguyên chất. Số trường hợp xuất hiện ăn mòn điện hoá là

- A. 3. B. 0. C. 2. D. 1.

**Câu 27:** Đốt cháy hoàn toàn a mol một anđehit X (mạch hở) tạo ra b mol  $\text{CO}_2$  và c mol  $\text{H}_2\text{O}$  (biết  $b = a + c$ ). Trong phản ứng tráng gương, một phân tử X chỉ cho 2 electron. X thuộc dãy đồng đẳng anđehit

- A. không no có hai nối đôi, đơn chức. B. no, đơn chức.  
C. không no có một nối đôi, đơn chức. D. no, hai chức.

**Câu 28:** Trong một bình kín chứa hơi chất hữu cơ X (có dạng  $\text{C}_n\text{H}_{2n}\text{O}_2$ ) mạch hở và  $\text{O}_2$  (số mol  $\text{O}_2$  gấp đôi số mol cần cho phản ứng cháy) ở  $139,9^\circ\text{C}$ , áp suất trong bình là 0,8 atm. Đốt cháy hoàn toàn X sau đó đưa về nhiệt độ ban đầu, áp suất trong bình lúc này là 0,95 atm. X có công thức phân tử là

- A.  $\text{C}_2\text{H}_4\text{O}_2$ . B.  $\text{CH}_2\text{O}_2$ . C.  $\text{C}_3\text{H}_6\text{O}_2$ . D.  $\text{C}_4\text{H}_8\text{O}_2$ .

**Câu 29:** Hai este đơn chức X và Y là đồng phân của nhau. Khi hoá hơi 1,85 gam X, thu được thể tích hơi đúng bằng thể tích của 0,7 gam  $\text{N}_2$  (đo ở cùng điều kiện). Công thức cấu tạo thu gọn của X và Y là (cho  $\text{H} = 1$ ,  $\text{C} = 12$ ,  $\text{N} = 14$ ,  $\text{O} = 16$ )

- A.  $\text{HCOOCH}_2\text{CH}_2\text{CH}_3$  và  $\text{CH}_3\text{COOC}_2\text{H}_5$ . B.  $\text{C}_2\text{H}_5\text{COOCH}_3$  và  $\text{HCOOCH}(\text{CH}_3)_2$ .  
C.  $\text{C}_2\text{H}_3\text{COOC}_2\text{H}_5$  và  $\text{C}_2\text{H}_5\text{COOC}_2\text{H}_3$ . D.  $\text{HCOOC}_2\text{H}_5$  và  $\text{CH}_3\text{COOCH}_3$ .

**Câu 30:** Trong các dung dịch:  $\text{HNO}_3$ ,  $\text{NaCl}$ ,  $\text{Na}_2\text{SO}_4$ ,  $\text{Ca}(\text{OH})_2$ ,  $\text{KHSO}_4$ ,  $\text{Mg}(\text{NO}_3)_2$ , dãy gồm các chất đều tác dụng được với dung dịch  $\text{Ba}(\text{HCO}_3)_2$  là:

- A.  $\text{HNO}_3$ ,  $\text{Ca}(\text{OH})_2$ ,  $\text{KHSO}_4$ ,  $\text{Na}_2\text{SO}_4$ . B.  $\text{NaCl}$ ,  $\text{Na}_2\text{SO}_4$ ,  $\text{Ca}(\text{OH})_2$ .  
C.  $\text{HNO}_3$ ,  $\text{Ca}(\text{OH})_2$ ,  $\text{KHSO}_4$ ,  $\text{Mg}(\text{NO}_3)_2$ . D.  $\text{HNO}_3$ ,  $\text{NaCl}$ ,  $\text{Na}_2\text{SO}_4$ .

**Câu 31:** Cho 200 ml dung dịch  $\text{AlCl}_3$  1,5M tác dụng với V lít dung dịch  $\text{NaOH}$  0,5M, lượng kết tủa thu được là 15,6 gam. Giá trị lớn nhất của V là (cho  $\text{H} = 1$ ,  $\text{O} = 16$ ,  $\text{Al} = 27$ )

- A. 1,8. B. 2. C. 2,4. D. 1,2.

**Câu 32:** Hỗn hợp X gồm Na và Al. Cho m gam X vào một lượng dư nước thì thoát ra V lít khí. Nếu cũng cho m gam X vào dung dịch  $\text{NaOH}$  (dư) thì được 1,75V lít khí. Thành phần phần trăm theo khối lượng của Na trong X là (biết các thể tích khí đo trong cùng điều kiện, cho  $\text{Na} = 23$ ,  $\text{Al} = 27$ )

- A. 77,31%. B. 39,87%. C. 49,87%. D. 29,87%.

**Câu 33:** Cho các chất: etyl axetat, anilin, ancol (rượu) etylic, axit acrylic, phenol, phenylamoni clorua, ancol (rượu) benzylic, p-crezol. Trong các chất này, số chất tác dụng được với dung dịch  $\text{NaOH}$  là

- A. 3. B. 5. C. 4. D. 6.

**Câu 34:** X là một ancol (rượu) no, mạch hở. Đốt cháy hoàn toàn 0,05 mol X cần 5,6 gam oxi, thu được hơi nước và 6,6 gam  $\text{CO}_2$ . Công thức của X là (cho  $\text{C} = 12$ ,  $\text{O} = 16$ )

- A.  $\text{C}_3\text{H}_6(\text{OH})_2$ . B.  $\text{C}_3\text{H}_5(\text{OH})_3$ . C.  $\text{C}_3\text{H}_7\text{OH}$ . D.  $\text{C}_2\text{H}_4(\text{OH})_2$ .

**Câu 35:** Trong phòng thí nghiệm, người ta thường điều chế  $\text{HNO}_3$  từ

- A.  $\text{NaNO}_3$  và HCl đặc. B.  $\text{NaNO}_2$  và  $\text{H}_2\text{SO}_4$  đặc.  
C.  $\text{NH}_3$  và  $\text{O}_2$ . D.  $\text{NaNO}_3$  và  $\text{H}_2\text{SO}_4$  đặc.

**Câu 36:** Hỗn hợp X chứa  $\text{Na}_2\text{O}$ ,  $\text{NH}_4\text{Cl}$ ,  $\text{NaHCO}_3$  và  $\text{BaCl}_2$  có số mol mỗi chất đều bằng nhau. Cho hỗn hợp X vào  $\text{H}_2\text{O}$  (dư), đun nóng, dung dịch thu được chứa

- A.  $\text{NaCl}$ ,  $\text{NaOH}$ ,  $\text{BaCl}_2$ . B.  $\text{NaCl}$ ,  $\text{NaHCO}_3$ ,  $\text{NH}_4\text{Cl}$ ,  $\text{BaCl}_2$ .  
C.  $\text{NaCl}$ . D.  $\text{NaCl}$ ,  $\text{NaOH}$ .

**Câu 37:** Cho m gam một ancol (rượu) no, đơn chức X qua bình đựng  $\text{CuO}$  (dư), nung nóng. Sau khi phản ứng hoàn toàn, khối lượng chất rắn trong bình giảm 0,32 gam. Hỗn hợp hơi thu được có tỉ khối đối với hiđro là 15,5. Giá trị của m là (cho  $\text{H} = 1$ ,  $\text{C} = 12$ ,  $\text{O} = 16$ )

- A. 0,64. B. 0,32. C. 0,46. D. 0,92.

**Câu 38:** Cho glixerol (glixerin) phản ứng với hỗn hợp axit béo gồm  $\text{C}_{17}\text{H}_{35}\text{COOH}$  và  $\text{C}_{15}\text{H}_{31}\text{COOH}$ , số loại trieste được tạo ra tối đa là

- A. 3. B. 5. C. 6. D. 4.

**Câu 39:** Để thu được  $\text{Al}_2\text{O}_3$  từ hỗn hợp  $\text{Al}_2\text{O}_3$  và  $\text{Fe}_2\text{O}_3$ , người ta lần lượt:

- A. dùng dung dịch  $\text{NaOH}$  (dư), khí  $\text{CO}_2$  (dư), rồi nung nóng.  
B. dùng dung dịch  $\text{NaOH}$  (dư), dung dịch  $\text{HCl}$  (dư), rồi nung nóng.  
C. dùng khí  $\text{CO}$  ở nhiệt độ cao, dung dịch  $\text{HCl}$  (dư).  
D. dùng khí  $\text{H}_2$  ở nhiệt độ cao, dung dịch  $\text{NaOH}$  (dư).

**Câu 40:** Có 3 chất lỏng benzen, anilin, stiren, đựng riêng biệt trong 3 lọ mất nhãn. Thuốc thử để phân biệt 3 chất lỏng trên là

- A. dung dịch NaOH. B. giấy quì tím.  
C. dung dịch phenolphthalein. D. nước brom.

**Câu 41:** Cho 13,44 lít khí clo (ở đktc) đi qua 2,5 lít dung dịch KOH ở 100°C. Sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn, thu được 37,25 gam KCl. Dung dịch KOH trên có nồng độ là (cho Cl = 35,5; K = 39)

- A. 0,24M. B. 0,48M. C. 0,4M. D. 0,2M.

**Câu 42:** Cho 6,72 gam Fe vào dung dịch chứa 0,3 mol H<sub>2</sub>SO<sub>4</sub> đặc, nóng (giả thiết SO<sub>2</sub> là sản phẩm khử duy nhất). Sau khi phản ứng xảy ra hoàn toàn, thu được (cho Fe = 56)

- A. 0,02 mol Fe<sub>2</sub>(SO<sub>4</sub>)<sub>3</sub> và 0,08 mol FeSO<sub>4</sub>. B. 0,03 mol Fe<sub>2</sub>(SO<sub>4</sub>)<sub>3</sub> và 0,06 mol FeSO<sub>4</sub>.  
C. 0,12 mol FeSO<sub>4</sub>. D. 0,05 mol Fe<sub>2</sub>(SO<sub>4</sub>)<sub>3</sub> và 0,02 mol Fe dư.

**Câu 43:** Xenlulozơ trinitrat được điều chế từ xenlulozơ và axit nitric đặc có xúc tác axit sunfuric đặc, nóng. Để có 29,7 kg xenlulozơ trinitrat, cần dùng dung dịch chứa m kg axit nitric (hiệu suất phản ứng đạt 90%). Giá trị của m là (cho H = 1, C = 12, N = 14, O = 16)

- A. 42 kg. B. 30 kg. C. 10 kg. D. 21 kg.

**Câu 44:** Thực hiện hai thí nghiệm:

- 1) Cho 3,84 gam Cu phản ứng với 80 ml dung dịch HNO<sub>3</sub> 1M thoát ra V<sub>1</sub> lít NO.  
2) Cho 3,84 gam Cu phản ứng với 80 ml dung dịch chứa HNO<sub>3</sub> 1M và H<sub>2</sub>SO<sub>4</sub> 0,5 M thoát ra V<sub>2</sub> lít NO.

Biết NO là sản phẩm khử duy nhất, các thể tích khí đo ở cùng điều kiện. Quan hệ giữa V<sub>1</sub> và V<sub>2</sub> là (cho Cu = 64)

- A. V<sub>2</sub> = 2V<sub>1</sub>. B. V<sub>2</sub> = 1,5V<sub>1</sub>. C. V<sub>2</sub> = 2,5V<sub>1</sub>. D. V<sub>2</sub> = V<sub>1</sub>.

**PHẦN RIÊNG:** Thí sinh chỉ được chọn làm 1 trong 2 phần (Phần I hoặc Phần II).

**Phần I. Theo chương trình KHÔNG phân ban (6 câu, từ câu 45 đến câu 50):**

**Câu 45:** Cho 4 phản ứng:

- (1)  $\text{Fe} + 2\text{HCl} \rightarrow \text{FeCl}_2 + \text{H}_2$   
(2)  $2\text{NaOH} + (\text{NH}_4)_2\text{SO}_4 \rightarrow \text{Na}_2\text{SO}_4 + 2\text{NH}_3 + 2\text{H}_2\text{O}$   
(3)  $\text{BaCl}_2 + \text{Na}_2\text{CO}_3 \rightarrow \text{BaCO}_3 + 2\text{NaCl}$   
(4)  $2\text{NH}_3 + 2\text{H}_2\text{O} + \text{FeSO}_4 \rightarrow \text{Fe}(\text{OH})_2 + (\text{NH}_4)_2\text{SO}_4$

Các phản ứng thuộc loại phản ứng axit - bazơ là

- A. (2), (3). B. (3), (4). C. (2), (4). D. (1), (2).

**Câu 46:** Khi brom hóa một ankan chỉ thu được một dẫn xuất monobrom duy nhất có tỉ khối hơi đối với hidro là 75,5. Tên của ankan đó là (cho H = 1, C = 12, Br = 80)

- A. isopentan. B. 2,2-đimetylpropan.  
C. 2,2,3-trimetylpentan. D. 3,3-đimetylhexan.

**Câu 47:** Cho 0,01 mol một hợp chất của sắt tác dụng hết với H<sub>2</sub>SO<sub>4</sub> đặc nóng (dư), thoát ra 0,112 lít (ở đktc) khí SO<sub>2</sub> (là sản phẩm khử duy nhất). Công thức của hợp chất sắt đó là

- A. FeS. B. FeO. C. FeCO<sub>3</sub>. D. FeS<sub>2</sub>.

**Câu 48:** Khi oxi hóa hoàn toàn 2,2 gam một anđehit đơn chức thu được 3 gam axit tương ứng. Công thức của anđehit là (cho H = 1, C = 12, O = 16)

- A. HCHO. B. C<sub>2</sub>H<sub>3</sub>CHO. C. CH<sub>3</sub>CHO. D. C<sub>2</sub>H<sub>5</sub>CHO.

**Câu 49:** Thủy phân este có công thức phân tử C<sub>4</sub>H<sub>8</sub>O<sub>2</sub> (với xúc tác axit), thu được 2 sản phẩm hữu cơ X và Y. Từ X có thể điều chế trực tiếp ra Y. Vậy chất X là

- A. rượu etylic. B. axit fomic. C. rượu metylic. D. etyl axetat.

**Câu 50:** Cho m gam hỗn hợp bột Zn và Fe vào lượng dư dung dịch CuSO<sub>4</sub>. Sau khi kết thúc các phản ứng, lọc bỏ phần dung dịch thu được m gam bột rắn. Thành phần phần trăm theo khối lượng của Zn trong hỗn hợp bột ban đầu là (cho Fe = 56, Cu = 64, Zn = 65)

- A. 12,67%. B. 85,30%. C. 82,20%. D. 90,27%.

**Phần II. Theo chương trình phân ban (6 câu, từ câu 51 đến câu 56):**

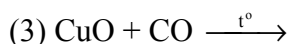
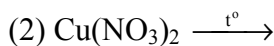
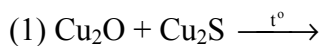
**Câu 51:** Oxi hoá 4,48 lít  $C_2H_4$  (ở đktc) bằng  $O_2$  (xúc tác  $PdCl_2$ ,  $CuCl_2$ ), thu được chất X đơn chức. Toàn bộ lượng chất X trên cho tác dụng với HCN (dư) thì được 7,1 gam  $CH_3CH(CN)OH$  (xianohidrin). Hiệu suất quá trình tạo  $CH_3CH(CN)OH$  từ  $C_2H_4$  là (cho  $H = 1$ ,  $C = 12$ ,  $N = 14$ ,  $O = 16$ )

- A. 80%. B. 70%. C. 60%. D. 50%.

**Câu 52:** Nung hỗn hợp bột gồm 15,2 gam  $Cr_2O_3$  và m gam Al ở nhiệt độ cao. Sau khi phản ứng hoàn toàn, thu được 23,3 gam hỗn hợp rắn X. Cho toàn bộ hỗn hợp X phản ứng với axit HCl (dư) thoát ra V lít khí  $H_2$  (ở đktc). Giá trị của V là (cho  $O = 16$ ,  $Al = 27$ ,  $Cr = 52$ )

- A. 10,08. B. 4,48. C. 3,36. D. 7,84.

**Câu 53:** Cho các phản ứng:



Số phản ứng tạo ra kim loại Cu là

- A. 3. B. 4. C. 2. D. 1.

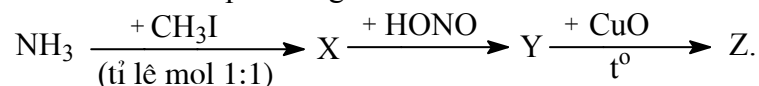
**Câu 54:** Trong pin điện hóa Zn-Cu, quá trình khử trong pin là

- A.  $Cu \longrightarrow Cu^{2+} + 2e$ . B.  $Zn^{2+} + 2e \longrightarrow Zn$ .  
C.  $Zn \longrightarrow Zn^{2+} + 2e$ . D.  $Cu^{2+} + 2e \longrightarrow Cu$ .

**Câu 55:** Dãy gồm các chất đều phản ứng với phenol là:

- A. nước brom, andehit axetic, dung dịch NaOH.  
B. nước brom, axit axetic, dung dịch NaOH.  
C. nước brom, anhidrit axetic, dung dịch NaOH.  
D. dung dịch NaCl, dung dịch NaOH, kim loại Na.

**Câu 56:** Cho sơ đồ phản ứng:



Biết Z có khả năng tham gia phản ứng tráng gương. Hai chất Y và Z lần lượt là:

- A.  $CH_3OH$ ,  $HCOOH$ . B.  $C_2H_5OH$ ,  $CH_3CHO$ .  
C.  $CH_3OH$ ,  $HCHO$ . D.  $C_2H_5OH$ ,  $HCHO$ .

----- HẾT -----